



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN

SCHEDULE OF INSPECTION ACCREDITATION

(Kèm theo quyết định số: 1831 / QĐ - VPCNCL ngày 20 tháng 09 năm 2023
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên Tổ chức giám định/ <i>Inspection Body:</i>	Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam (EIC) Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam (EIC) – Chi nhánh miền Trung <i>Vietnam Energy Inspection Corporation (EIC)</i> <i>Vietnam Energy Inspection Corporation (EIC) – Central branch</i>		
Mã số công nhận/ <i>Accreditation Code:</i>	VIAS 016		
Địa chỉ trụ sở chính / <i>The head office address</i>	Số 32 Đào Duy Anh, Phường 9, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh <i>No. 32 Dao Duy Anh Street, Ward 09, Phu Nhuan district, Ho Chi Minh City</i>		
Địa điểm công nhận/ <i>Accredited locations:</i>	(a) 09 Hoà Phú 19, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam / <i>No. 09, Hoa Phu 19, Hoa Minh ward, Lien Chieu district, Da Nang city, Vietnam</i> (b) Thôn Tuyết Diêm 1, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam / <i>Tuyet Diem 1 village, Binh Thuan ward, Binh Son district, Quang Ngai province, Vietnam</i>		
Điện thoại/ <i>Tel:</i>	0263540910		
Email:	CEB@eic.com.vn	Website:	www.eic.com.vn
Loại tổ chức giám định/ <i>Type of Inspection:</i>	Loại A <i>Type A</i>		
Người đại diện / <i>Authorized Person:</i>	Vương Quốc Hà		
Hiệu lực công nhận/ <i>Period of Validation:</i>	11/02/2025		

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VIAS 016

Lĩnh vực giám định <i>Category of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, qui trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và bộ phận liên quan <i>Location(s) and relating division(s)</i>
Khí dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ <i>Gas, Petroleum and petroleum products</i>	Lấy mẫu, Số lượng, khối lượng, chất lượng (các chỉ tiêu hóa, lý) <i>Sampling, Quantity, draft survey, quality (chemical and physiscal characteristic).</i>	EIC F 004 EIC F 005 EIC F 007 EIC F 009 EIC F 010 EIC F 012 EIC F 013 EIC F 014 EIC F 015 EIC F 016 EIC F 017 EIC F 020 EIC F 022 EIC F 026 EIC F 027 EIC F 030 EIC F 032 EIC F 033 EIC F 035 EIC F 036	(a) – Phòng NV1 (b) – Phòng NV3
Định lượng <i>Quatity</i>	Số lượng, khối lượng qua cân và qua mớn <i>Quantity, Weight by scale and draft survey</i>	EIC C 002 EIC C 011 EIC C 017 EIC C 022 EIC M 009	(a) – Phòng NV2
Tồn thất <i>Damage survey</i>	Tồn thất hàng hóa (không phải là tải sản) và đề phòng tồn thất <i>Damage of cargo (quality and quantity</i>	EIC C 006 EIC C 019	
Than đá <i>Coal</i>	khối lượng qua cân và qua mớn <i>Weight by scale and draft survey</i>	EIC C 002 EIC C012 EIC C 022	(a) – Phòng NV2
	Lấy mẫu, chất lượng (các chỉ tiêu hóa và cơ lý) <i>Sampling, Quality (chemical and physiscal characteristic).</i>	EIC C 001 EIC C 004 EIC C 013 EIC C 020	

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VIAS 016

Lĩnh vực giám định <i>Category of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, qui trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và bộ phận liên quan <i>Location(s) and relating division(s)</i>
Nông sản/ <i>Agriculture product:</i> Dăm gỗ <i>Woodchips</i>	Khối lượng qua cân và qua món <i>Weight by scale and draft survey</i>	EIC C 002 EIC C 011 EIC C 022	(a) và (b) Phòng NV2
	Lấy mẫu, phân loại (kích cỡ, chiều dài, chiều rộng); độ ẩm và hàm lượng tạp chất. <i>Sampling, clasification (Size distribution; Length and length distribution, width and width distribution; Dry matter content and impurities).</i>	EIC C 003	

Ghi chú/ Note:

EIC F/C-aaa: Quy trình giám định do tổ chức giám định xây dựng / *IB's developed methods*

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VIAS 016

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP/ QUI TRÌNH GIÁM ĐỊNH
LIST OF INSPECTION METHODS/ PROCEDURES

Tên quy trình/phương pháp giám định/ <i>Name of Inspection procedures</i>	Mã số phương pháp/ quy trình giám định và năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures, Version and Date of issue</i>
Giám định số, khối lượng dầu thô từ kho chứa giao sang tàu nhận	EIC F 004 – Ver 09 (2023)
Xác định khối lượng hàng hóa chất lỏng chuyên chở bằng tàu biển	EIC F 005 – Ver 06 (2023)
Giám định nhựa đường lỏng chở trên tàu biển	EIC F 007 – Ver 06 (2023)
Giám định Propylene	EIC F 008 – Ver 06 (2023)
Giám định khí dầu mỏ hóa lỏng	EIC F 009 – Ver 09 (2023)
Giám định số khối lượng xăng dầu từ tàu giao sang tàu nhận	EIC F 010 – Ver 06 (2023)
Giám định số khối lượng xăng dầu từ tàu giao lên bồn và ngược lại	EIC F 012 – Ver 06 (2023)
Xác định OBQ, ROB	EIC F 013 – Ver 06 (2023)
Giám định số khối lượng nhiên liệu	EIC F 014 – Ver 07 (2023)
Giám định hàng xuất	EIC F 015 – Ver 06 (2023)
Lấy mẫu dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ	EIC F 016 - Ver 09 (2023)
Kiểm soát hao hụt LPG từ tàu giao lên bồn	EIC F 017 – Ver 06 (2023)
Quy trình giám định số khối lượng dầu thô từ tàu giao lên bể chứa	EIC F 020 - Ver 09 (2023)
Xác định chỉ tiêu chất lượng, khối lượng Condensate từ kho PVGAS Thị Vải giao kho PV OIL Phú Mỹ, tàu	EIC F 022 – Ver 05 (2023)
Phụ lục giám định dầu mỏ, sản phẩm dầu mỏ	EIC F 027 - Ver 04 (2023)
Giám định số, khối lượng hàng lỏng từ xà lan giao lên bồn và ngược lại	EIC F 030 – Ver 01 (2017)
Giám định khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) phù hợp QCVN 08-2019 – BKHCN	EIC F 035 – Ver 01 (2020)
Giám định xăng nhiên liệu Diesel nhiên liệu sinh học phù hợp QCVN 1:2015-BKHCN và sửa đổi 1:2017 QCVN 1:2015 BKHCN	EIC F 036 - Ver 1 (2020)
Giám định khối lượng chi tiết	EIC M 009 – Ver 06 (2021)
Giám định quy cách, phẩm chất	EIC C 001 – Ver 07 (2023)
Giám định món nước	EIC C 002 – Ver 09 (2023)
Giám định dăm gỗ	EIC C 003 - Ver 09 (2023)
Giám định than đá xuất khẩu	EIC C 004 – Ver 09 (2023)
Giám định hàng tồn thất	EIC C 006 – Ver 05 (2023)
Giám định khối lượng bằng cân cầu	EIC C 011 – Ver 04 (2023)
Giám định kiểm tra kín chắc hầm hàng	EIC C 012 – Ver 03 (2023)
Lấy mẫu than đá và coke	EIC C 013 – Ver 05 (2023)
Giám định hàng bao bằng cân bàn	EIC C 017 – Ver 03 (2021)

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VIAS 016

Tên quy trình/phương pháp giám định/ <i>Name of Inspection procedures</i>	Mã số phương pháp/ quy trình giám định và năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures, Version and Date of issue</i>
Đề phòng tổn thất	EIC C 019 – Ver 2 (2020)
Giám định than cám	EIC C 020 – Ver 02 (2022)
Giám định món nước sà lan	EIC C 022– Ver 04 (2023)

